TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRẮK
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2018/DS-ST
Ngày 26 tháng 6 năm 2018
"*V/v tranh chấp kiện đòi tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cường Anh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Văn Giang.
2. Ông: Ngô Trọng Búp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hòa Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Hải Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 11/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2018 về "tranh chấp kiện đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Dương Văn H, sinh năm 1973, bà Lô Thị N (tức N), sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Văn Đ và bà Cao Thị T. Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện M, tỉnh Đăk Lăk. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 11/01/2018, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Dương Văn H, bà Lô Thị N trình bày:*

Vào ngày 08/02/2013 âm lịch (tức ngày 19/3/2013 Dương lịch) vợ chồng ông Lê Văn Đ và bà Cao Thị T có vay của vợ chồng ông Dương Văn H, bà Lô Thị N số tiền 90.000.000 đồng. Khi vay hai bên không có thỏa thuận lãi suất và hẹn đến ngày 15/02/2013 âm lịch, ông Đ, bà T sẽ trả cho ông H, bà N số tiền vay trên. Đến hạn trả nợ, mặc dù đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông Đ, bà T không trả được cho vợ chồng ông H, bà N một khoản tiền nào. Vì vậy, vợ chồng ông H,

bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Lê Văn Đ, bà Cao Thị T phải trả cho vợ chồng ông H, bà N số tiền đã vay là 90.000.000 đồng.

* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vợ chồng ông Đ, bà T vắng mặt tại nơi cư trú, đã được Tòa án niêm yết văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vợ chồng ông Đ, bà T vẫn vắng mặt tại phiên Tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt vợ chồng ông Đ, bà T là đúng quy định của pháp luật.

- Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa đảm bảo quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

- Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Dương Văn H, bà Lô Thị N là có căn cứ, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bị đơn vợ chồng ông Lê Văn Đ, bà Cao Thị T phải trả cho vợ chồng ông H, bà N số tiền đã vay là 90.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

Về tố tụng:

[1] Vợ chồng ông Dương Văn H, bà Lô Thị N khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Lê Văn Đ, bà Cao Thị T phải trả số tiền vay là 90.000.000 đồng. Do đã quá thời hiệu khởi kiện, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) đây là "tranh chấp kiện đòi tài sản". Do bị đơn có nơi cư trú tại huyện MĐrắk, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng ông Đ, bà T vắng mặt tại nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, không thông báo cho vợ chồng ông H, bà N biết địa chỉ hiện nay đang cư trú. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với vợ chồng ông Đ, bà T theo đúng quy định của pháp luật nhưng vợ chồng ông Đ, bà T không đến Tòa án làm việc và tại phiên tòa hôm nay vợ chồng ông Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[3] Ngày 08/02/3013 (AL) vợ chồng ông Lê Văn Đ, Cao Thị T có vay của vợ chồng ông Dương Văn H, bà Lô Thị N số tiền 90.000.000 đồng với mục đích về chăn nuôi, phục vụ kinh tế gia đình. Khi vay hai bên có viết giấy vay, không thỏa thuận lãi suất và hẹn đến ngày 15/02/2013 (AL), vợ chồng ông Đ, bà T sẽ trả cho vợ chồng ông H, bà N số tiền đã vay trên. Đã quá thời hạn nhưng bên vay không trả được cho ông H, bà N được một khoản tiền nào, mặc dù đã được đòi nhiều lần. Như vậy, vợ chồng ông Đ, bà T đã không thực hiện đúng với nội dung đã cam kết khi vay tài sản. Do đó, đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng ông H, bà N nên vợ chồng ông H, bà N yêu cầu Toà án giải quyết buộc vợ chồng ông Đ, bà T phải trả cho vợ chồng ông H 90.000.000 đồng tiền đã vay .

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng ông Đ, bà T đã vắng mặt tại nơi cư trú. Để đảm quyền, lợi ích của các bên đương sự và theo đơn yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của nguyên đơn đối với chữ viết, chữ ký của bị đơn ông Lê Văn Đ và bà Cao Thị T trong giấy vay tiền ngày 08/2/2013 (âm). Trong quá trình thu thập chữ viết, chữ ký của bị đơn, Tòa án thu thập được chữ viết, chữ ký của ông Lê Văn Đ trong các tài liệu sau: Giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù số 1026/GCN ngày 20/9/2005 của trại giam Đắk Trung; Biên bản làm việc ngày 28/10/2005 tại Công an xã Cư Prao, huyện M'Đrắk; Biên bản hỏi cung vào lúc 10 giờ 20 ngày 20/8/2004 của Công an huyện M'Đrắk; Biên bản hỏi cung vào lúc 15 giờ, ngày 20/8/2004 của Công an huyện M'Đrắk; Biên bản (V/v giải thích và giao quyết định khởi tố bị can) đề ngày 20/8/2004 của Công an huyện M'Đrắk; Biên bản giao nhận bản kết luận điều tra đề ngày 17/9/2004 của Công an huyện M'Đrắk và đã ra quyết định trưng cầu giám định đối với chữ viết, chữ ký của bị đơn ông Lê Văn Đ. Đối với chữ viết, chữ ký của bà Cao Thị T không thu thập được nên không thể tiến hành giám định chữ ký, chữ viết của bà T.

Tại kết luận giám định số 54/PC45 ngày 07/5/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận:

Chữ viết có nội dung "Lê Văn Đ" dưới mục "Người viết giấy" ở trang 2 trong giấy vay tiền đề ngày 08/2/2013 (âm) so với chữ viết đứng tên Lê Văn Đ trong các tài liệu so sáng là do cùng một người viết ra.

Trong các tài liệu mẫu so sánh chữ ký, không có chữ ký cùng dạng với chữ ký của Lê Văn Đ dưới mục "Người viết giấy" ở trang 2 trong Giấy vay tiền đề ngày 08/2/2013 (âm), nên không tiến hành giám định chữ ký Lê Văn Đ được.

[5] Từ những chứng cứ mà các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án. Xác định ông Lê Văn Đ có chữ viết xác nhận trong giấy vay tiền ngày 08/2/2013 (âm) vay 90.000.000 đồng của vợ chồng ông H, bà N là thực tế. Mặc dù, trong quá trình giải quyết vụ án không thu thập được chữ ký, chữ viết của vợ ông Đ là bà Cao Thị T nhưng qua quá trình làm việc đối với các đương sự được biết vợ chồng ông Đ, bà T vay tiền để sử dụng vào mục đích chăn nuôi, nhằm phục vụ cho việc phát triển kinh tế của gia đình nên xác định đây là nợ chung của vợ chồng ông Đ, bà T đối với vợ chồng ông H, bà N là có căn cứ. HĐXX cần buộc bà Cao Thị T phải có nghĩa vụ cùng ông Lê Văn Đ trả cho vợ chồng ông H, bà N số tiền 90.000.000 đồng đã vay ngày 08/2/2013 âm lịch là phù hợp với pháp luật.

[6] Đối với chi phí giám định: Ông Dương Văn H có đơn yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký của bị đơn ông Lê Văn Đ, bà Lê Thị T, chi phí giám định là 5.040.000 đồng. Kết quả giám định chứng minh yêu cầu của vợ chồng ông H, bà N là có căn cứ nên HĐXX cần buộc ông Lê Văn Đ và bà Cao Thị T phải trả lại cho vợ chồng ông H, bà N 5.040.000 đồng tiền chi phí giám định là đúng theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn vợ chồng ông Đ, bà T phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn (theo mức 90.000.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 85, Điều 147, khoản 1 Điều 161, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 256 Bộ luật dân sự 2005; khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc vợ chồng ông Lê Văn Đ, bà Cao Thị T phải trả cho vợ chồng ông Dương Văn H, bà Lô Thị N số tiền nợ là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về chi phí giám định: Buộc vợ chồng ông Lê Văn Đ, bà Cao Thị T phải trả cho vợ chồng ông Dương Văn H, bà Lô Thị N chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 5.040.000 đồng.

3. Về án phí:

Vợ chồng ông Lê Văn Đ, bà Cao Thị T phải chịu 4.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho vợ chồng ông Dương Văn H, bà Lô Thị N số tiền 2.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0004599 ngày 18/01/2018 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện M'Đrắk.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :
- TAND tỉnh ĐắkLắk;
- VKSND huyện M'Đrắk;
- THADS huyện M'Đrắk;
- Đương sự;
- Lưu HS.

Nguyễn Cường Anh